TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHI LĂNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:16/2018/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 10 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Na

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Nguyên

Ông Hoàng Văn Thụy

- Thư ký phiên toà*:* Bà Nguyễn Thị Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018 về việc; Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXX-ST, ngày 12 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vi Thị Hải A, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn H, thị trấn G, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Vi Văn B, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vi Văn B kết hôn năm 2013 trên cơ sở tự nguyên, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn ngày 22 tháng 02 năm 2013. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân, là do tính cách không hợp nhau vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau và do anh Vi Văn B không có trách nhiệm với vợ con, có quan hệ bất chính với người đàn bà khác, chị cũng đã

khuyên bảo nhiều lần nhưng anh B không nghe, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh B, yêu cầu ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 01 con chung, cháu tên là Vi Bảo Y, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2013 hiện đang sống cùng chị, chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 28 tháng 6 năm 2018 anh Vi Văn B trình bày: Anh và chị A kết hôn năm 2013 (âm lịch) trước khi kết hôn anh và chị A được tự do tìm hiểu nhau khoảng 01 năm và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn ngày 22 tháng 02 năm 2013. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau nên thường xảy ra cãi mắng nhau. Chị A bỏ về bên ngoại sinh sống từ năm 2017, anh và chị A ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến nhau nữa. Anh xác định không còn tình cảm với chị A, nay chị A xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh và chị A có 01 con chung là cháu Vi Bảo Y sinh ngày 08 tháng 9 năm 2013, khi ly hôn anh đồng ý giao cháu Bảo Y cho chị A chăm sóc nuôi dưỡng, anh không có khả năng cấp dưỡng nuôi con chung vì anh còn phải đi làm ăn xa.

Về tài sản chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập và thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhiều lần, nhưng anh Vi Văn B không hợp tác cố tình vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hoà giải được.

Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa: Không có kiến nghị gì về thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị Hải A, xử cho A được ly hôn với anh Vi Văn B và chị Vi Thị Hải A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vi Bảo Y cho đến khi đủ 18 tuổi.

Chị Vi Thị Hải A giao nộp chứng cứ cho Toà án gồm: Giấy chứng nhận kết hôn; giấy tờ tuỳ thân; giấy khai sinh của cháu Vi Bảo Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Vi Văn B vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Do vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị Hải A và anh Vi Văn B kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống chung của vợ chồng đã xẩy ra mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc này đã đươc cả chị A và anh B thừa nhận, thể hiện rõ trong các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ. Mặt khác anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 không còn quan tâm nhau nữa. Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bị đơn anh Vi Văn B, tại bản tự khai ngày 28 tháng 6 năm 2018 anh Vi Văng B cũng thừa nhận là không còn tình cảm với chị A, nên chị A yêu cầu ly hôn là có căn cứ cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị A và anh B có 01 con chung là cháu Vi Bảo Y, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, chị A làm nghề cắt tóc gội đầu có thu nhập ổn định mỗi tháng từ 7 đến 08 triệu đồng, còn anh B thường xuyên đi làm xa không dành thời gian chăm sóc con chung và chị A có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, nên việc giao cháu Vi Bảo Y cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ. Anh B không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con vì chị A không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về án phí: Vi Thị Hải A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 266; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị Hải A. Xử cho chị Vi Thị Hải A ly hôn với anh Vi Văn B.

2- Về con chung: Chị Vi Thị Hải A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vi Bảo Y, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2013 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Vi Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung: Không có.

4- Về án phí: Chị Vi Thị Hải A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận Vi THị Hải A đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện

Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/04836 ngày 04 tháng 6 năm 2018.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Văn Na